

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2025

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông Thạch I Ran, kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2024, về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thùy Tr, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Ngãi Tr, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Anh V, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ngãi Tr, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị Thùy Tr khai có nội dung:

Vào năm 1998 Chị Tr có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Lê Anh V, có tổ chức đám cưới theo phong tục, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 con chung tên: Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001, hiện nay con chung đã thành nên và sông tự lập; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019, hiện nay con chung đang sông

chung với Chị Tr. Về tài sản chung: Có nhưng không tranh chấp. Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung với nhau không hợp, Anh V không quan tâm lo lắng cho gia đình, chị có khuyên nhiều lần nhưng Anh V không chịu thay đổi, vợ chồng thường hay cự cãi. Chị Tr và Anh V đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị Tr thấy không còn tình cảm với anh Lê Anh V nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001, hiện nay con chung đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019, sau khi ly hôn Chị Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu Anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có nhưng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị Trương Thị Thuỳ Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai 30/12/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của anh Lê Anh V khai có nội dung:

Anh Lê Anh V thống nhất với lời trình bày của Chị Tr về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, về con con chung, tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có con chung tên Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001, Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp không thể hàn gắn lại được. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay vợ anh yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung tên: Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001, hiện nay con chung đã thành niên và sống tự lập; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019 anh đồng ý giao cho Chị Tr nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhưng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Lê Anh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- **Về hôn nhân:** Chị Trương Thị Thuỳ Tr và anh Lê Anh V thống nhất ly hôn.

- **Về con chung:** Cháu Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001 đã thành niên sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019, anh Lê Anh V thống nhất giao cho Chị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Tr không có yêu cầu.

- **Về tài sản chung:** Chị Tr và Anh V thống nhất khai có nhưng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị Tr và Anh V thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên đề nghị:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Thuỳ Tr và anh Lê Anh V là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001 đã thành niên sống tự lập nên không yêu Tòa án giải quyết. Cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019, anh Lê Anh V thống nhất giao cho Chị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Tr không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Thuỳ Tr và anh Lê Anh V thống nhất không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị Thuỳ Tr và anh Lê Anh V thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Tr và bị đơn Anh V cùng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr với Anh V xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Chị Tr và Anh V có cùng lời trình bày là trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và Anh V đã sống ly thân năm 2020 cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống riêng. Chị Tr và Anh V thống nhất ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy Chị Tr và Anh V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998 nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp và không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001, đã thành niên sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019, hiện do Chị Tr đang nuôi dưỡng luôn đảm bảo phát triển đầy đủ về mọi mặt, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, Anh V cũng đồng ý giao con cho Chị Tr nuôi dưỡng và theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải ngày 08/01/2025. Do đó để đảm bảo cho cháu Tuyền có điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt và cũng như không xáo trộn cuộc sống của cháu Tuyền, Hội đồng xét xử giao cháu Tuyền cho Chị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị Tr không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Tr và Anh V thống nhất khai có nhưng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Tr và Anh V khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 14, 51, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thuỳ Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Thuỳ Tr với anh Lê Anh V là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 01/8/1999, Lê Nhật H, sinh ngày 05/12/2001, đã thành niên sống tự lập, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Giao cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 23/5/2019 cho chị Trương Thị Thuỳ Tr được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Tr không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Có nhưng không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Thuỳ Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân và gia đình), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006535, ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; Chị Tr đã nộp đủ án phí. Anh Lê Anh V không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai đề xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hoa Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bé-Nguyễn Thị Hồng Nhung

Sơn Thị Hoa Lan

